

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định cụ thể các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh về thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.
- Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững; nâng cao năng lực và nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.
- Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh, phát huy tiềm năng và nguồn lực nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.
- Phân công trách nhiệm các cơ quan, đơn vị chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch.

2. Yêu cầu

- Xác định thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai có vị trí quan trọng trong các quyết định phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường triển khai thực hiện rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương mình, bảo đảm các nhiệm vụ được lồng ghép, tích hợp theo quy định và đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch.
- Ưu tiên bố trí nguồn lực và chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại kế hoạch, đảm bảo tiến độ và chất lượng.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế - xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững

a) Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý và tổng hợp, cập nhật kết quả vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia. Điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất, quản lý hiệu quả các hoạt động khai thác nước dưới đất trong các khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu; phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

- Xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất cho các khu vực, đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, điều hòa phân phối nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế khai thác, sử dụng nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước theo từng cấp độ khan hiếm nước.

- Tổ chức lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước. Triển khai đầy mạnh tìm kiếm, thăm dò, khai thác nguồn nước đảm bảo cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân, vùng khan hiếm nước.

- Kiểm soát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt; xác định và tổ chức việc công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; tổ chức quan trắc, công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các biện pháp theo dõi, giám sát, bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phát triển bền vững các nguồn nước, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do thiếu nước gây ra.

- Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp. Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất do xói mòn, hạn hán.

- Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sụt lún, sụt lún.

b) Phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu

Triển khai thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, bố trí hợp lý cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang cây trồng có giá trị, hiệu quả kinh tế cao hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; khai thác và phát huy lợi

thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, phát thải khí nhà kính thấp, thân thiện với môi trường dựa vào lợi thế tự nhiên của từng khu vực và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, phát triển chuỗi giá trị nông sản hoặc vùng nguyên liệu chủ lực; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp, hàng hóa tập trung và hiện đại.

c) Quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và các hệ sinh thái

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng. Củng cố, xây dựng công trình, trang bị phương tiện, thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy rừng đáp ứng yêu cầu phòng cháy và chữa cháy rừng trong mọi tình huống cháy rừng.

- Quản lý các hệ sinh thái; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu.

- Thiết lập, mở rộng và tăng cường chất lượng các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; phối hợp triển khai thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia.

d) Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu

- Quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư, khu tái định cư trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu. Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của các ngành gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển đô thị, hạ tầng đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư; phát triển các khu đô thị, du lịch sinh thái; đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng các giải pháp làm mát bền vững, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế, trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai; tăng cường năng lực thích ứng khi xảy ra thiên tai và kịp thời sơ tán trong các tình huống thiên tai khẩn cấp.

- Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; triển khai phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ, hệ thống giao thông kết nối liên vùng.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ quét do bão cho các khu đô thị, khu vực dân cư. Tập trung hoàn thành các công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất; xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi; nghiên cứu, phối hợp triển khai xây dựng mới một số hồ chứa đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước.

- Tăng cường năng lực, cơ sở hạ tầng cung cấp nước sạch cho người dân, quan tâm khu vực nông thôn, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán.

đ) Tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe.

- Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương, các cộng đồng người dân tộc thiểu số. Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường truyền thông và xây dựng năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong ngành y tế.

- Phát triển hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe cộng đồng.

e) Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới

Phát triển các mô hình sinh kế bền vững; chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, vốn và dịch vụ bảo hiểm rủi ro cho hệ thống bảo trợ xã hội, người dân, người yếu thế ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu.

2. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

a) Dự báo và cảnh báo sớm

- Phối hợp triển khai tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới quốc gia về giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn và hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng, phục vụ phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán. Phối hợp triển khai thực hiện xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, giám sát khí hậu cực đoan, ưu tiên xã hội hóa đối với hệ thống đo mưa tự động.

- Phối hợp triển khai ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, cảnh báo đa thiên tai, dự báo dựa trên tác động; triển khai các sản phẩm dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn truyền tải đa dạng trên nền tảng công nghệ số; nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ khí hậu và cung cấp thông tin phục vụ phòng chống thiên tai.

- Phối hợp triển khai tăng cường năng lực truyền tin thiên tai kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng về thông tin, truyền thông quốc gia bảo đảm truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời phục vụ phòng chống thiên tai hiệu quả.

- Triển khai điều tra, đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với khu vực đô thị; khoanh vùng các khu vực có nguy cơ chịu tác động cao của biến đổi khí hậu; tính toán khả năng và mức độ tự thích nghi, đề xuất giải pháp ứng phó.

- Triển khai cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai, hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro khí hậu và thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai; phối hợp xây

dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, phát huy tri thức địa phương trong phòng chống thiên tai.

b) Xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai

- củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống kè bờ sông, hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập, kè bờ sông.

- Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, khu dân cư tập trung và cơ sở hạ tầng quan trọng.

- Phối hợp triển khai hình thành hệ thống kiểm soát, hạn chế lũ lụt, ngập úng trong đô thị. Hình thành hồ chứa điều tiết ngập lụt, khai thông, nạo vét, cải tạo gia cố, nắn dòng cho các đường thoát nước đô thị; khoanh vùng bảo vệ và có giải pháp tái định cư và di dời dân cư trong vùng cảnh báo rủi ro; phát triển nhà ở vượt lũ, nhà ở có khả năng chống chịu cao với gió bão.

- Tăng cường năng lực phòng chống sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân, triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

- Rà soát triển khai quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, nước dâng do bão, sạt lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán người dân, giảm thiểu rủi ro.

- Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan và thiên tai; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai; bảo đảm an toàn cho người dân.

- Tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm an ninh, trật tự trong các tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện các chương trình phục hồi sau thiên tai, ưu tiên đối với những khu vực chịu nhiều thiệt hại, các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Triển khai các giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua các cơ chế tài trợ rủi ro như bảo hiểm rủi ro khí hậu, quỹ dự phòng và các chương trình bảo trợ xã hội.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, phát huy tiềm năng và nguồn lực để thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu

a) Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh về ứng phó với biến đổi khí hậu; phối hợp rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các cấp, ngành trong tỉnh giai

đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó chú trọng việc lồng ghép các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp xây dựng, hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực có liên quan; các bộ tiêu chí, công cụ đánh giá rủi ro khí hậu, tính dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu, xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp triển khai cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành trong thích ứng với biến đổi khí hậu; các cơ chế, chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu mang lại đồng lợi ích cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính.

- Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách phát triển tín dụng xanh phù hợp với mục tiêu chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo hiểm rủi ro khí hậu, thí điểm triển khai bảo hiểm rủi ro biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực trồng trọt, nuôi trồng thủy hải sản.

- Nâng cao tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai, sự cố môi trường, bảo vệ môi trường trong các công trình xây dựng, đô thị; nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho việc xây dựng và lựa chọn mô hình phát triển đô thị phù hợp với đặc điểm các vùng, khu vực.

- Triển khai cập nhật, hoàn thiện hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia phù hợp với tình hình thực tiễn.

b) Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai cho cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức, hộ gia đình và cộng đồng;

- Xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm phổ biến, nâng cao nhận thức, cập nhật kiến thức, thông tin về tổn thất và thiệt hại, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng lợi ích trong thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu; đẩy mạnh sự tham gia của thanh niên, phụ nữ trong các hoạt động về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương; tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái, cộng đồng;

- Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng dân tộc thiểu số trong công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và người dân làm công tác xã hội trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, đặc biệt là công tác xã hội với các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương.

c) Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai ở các cấp học; nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, đặc biệt đối với cán bộ ở địa phương, đội ngũ chuyên gia kỹ thuật, phụ nữ, thanh thiếu niên và các nhóm dễ bị tổn thương.

- Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân yếu thế (người nghèo, người có thu nhập thấp, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân ở vùng bị thiệt hại bởi thiên tai); tập huấn hướng dẫn thích ứng, giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và hướng dẫn đánh giá rủi ro khí hậu dựa vào cộng đồng có lồng ghép giới.

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Củng cố, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu, đáp ứng các nhu cầu về điều tra cơ bản.

- Đề xuất, xây dựng chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ về thích ứng với biến đổi khí hậu tại các doanh nghiệp và cộng đồng.

- Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, ưu tiên tập trung vào công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số trong thích ứng với biến đổi khí hậu; nghiên cứu các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có thể mang lại đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội; nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu khoa học phục vụ sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu nhận dạng bản chất, nguyên nhân, tác động của thiên tai, tương tác giữa tự nhiên - con người - xã hội, diễn biến biến đổi khí hậu ở Việt Nam làm cơ sở đề xuất và triển khai các giải pháp ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội nhằm tận dụng cơ hội mà biến đổi khí hậu mang lại và tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu xây dựng bổ sung, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế, xây dựng các công trình, cơ sở hạ tầng có tính đến tác động của biến đổi khí hậu trong dài hạn.

- Xây dựng và phổ biến, nhân rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu; mô hình nông nghiệp thông minh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Huy động nguồn lực tài chính, đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu

- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vốn ODA, vay ưu đãi để triển khai xây dựng các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút các dòng vốn đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tham gia tiếp cận và phối hợp huy động nguồn vốn hỗ trợ quốc tế cho thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các cơ chế tài chính trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu như Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng, Quỹ Tồn thất và thiệt hại.

- Thu hút sự tham gia của khối tư nhân, các tổ chức xã hội trong nghiên cứu, triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, bao gồm: điều chỉnh hoạt động, chuỗi cung ứng nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; đầu tư triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu theo phương thức đối tác công tư, hợp tác quốc tế; cung cấp các giải pháp thích ứng mới và mở rộng quy mô.

e) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phối hợp triển khai thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc gia tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các điều ước quốc tế khác có liên quan mà Việt Nam là thành viên, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định và các báo cáo quốc gia về biến đổi khí hậu; đề xuất ý tưởng, sáng kiến mới và tích cực tham gia các cơ chế, sáng kiến quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Phối hợp triển khai thực hiện tăng cường hợp tác quốc tế với các nước, các tổ chức đa phương, các định chế tài chính nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng quản lý và huy động nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở bình đẳng, hợp tác và cùng có lợi.

- Phối hợp triển khai thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo thiên tai; các giải pháp ứng phó với tác động xuyên biên giới.

- Phối hợp triển khai tăng cường năng lực các cơ quan liên quan để trở thành cơ quan thực hiện được công nhận đối với Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng, Quỹ Tồn thất và thiệt hại và các quỹ khác.

III. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

1. Giai đoạn đến năm 2030

- Phối hợp với các bộ, ngành triển khai xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược và quy hoạch; xây dựng và định kỳ

cập nhật báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu theo yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

- Triển khai ứng dụng, nhân rộng các mô hình canh tác nông nghiệp xen canh thích ứng với biến đổi khí hậu; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp; phát triển và nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi, các mô hình trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đa dạng sinh học; bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường nâng cao năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, chất lượng dự báo, cảnh báo và truyền tải thông tin về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình phòng chống thiên tai; triển khai kịp thời, hiệu quả các giải pháp phòng chống thiên tai liên quan đến bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng lực chống chịu, chống ngập cho phường Bắc Giang, các khu đô thị và các điểm dân cư tập trung; phòng, chống sạt lở bờ sông, hạn hán; tăng cường khả năng thích ứng và phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Tăng cường nguồn lực cho thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường bình đẳng giới và phát huy vai trò của phụ nữ, thanh thiếu niên trong các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu; thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hợp tác, liên kết vùng và hợp tác quốc tế.

- Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích trong giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Giai đoạn sau năm 2030 cho đến năm 2050, tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của con người, hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống tự nhiên nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nước; bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững quốc gia trong bối cảnh biến đổi khí hậu và an toàn trước thiên tai. Thực hiện lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu trong các hoạt động kinh tế và xã hội nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tận dụng cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp tích cực với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Danh mục các nhiệm vụ triển khai thực hiện Quyết định 1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục kèm theo.

V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Triển khai thực hiện hiệu quả hệ thống giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia.

- Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý và thực hiện chế độ báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch này.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành thực hiện theo quy định của pháp luật về Ngân sách nhà nước, Đầu tư công và các quy định liên quan; các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan được giao nhiệm vụ tại Phụ lục đính kèm Kế hoạch

- Rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương, bảo đảm các hoạt động của Kế hoạch được lồng ghép, tích hợp theo quy định và bảo đảm tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức; vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tình hình thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 05/12 hằng năm để tổng hợp, tham mưu xây dựng báo cáo chung của UBND tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND xã, phường triển khai cập nhật, lồng ghép nội dung nhiệm vụ tại Kế hoạch này vào Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ trì làm đầu mối tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp xây dựng báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện để gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 25/12 hằng năm; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ nhu cầu đầu tư của các Sở, ban, ngành, cơ quan, UBND các xã, phường, trên cơ sở dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư, nguyên tắc, tiêu chí, định mức, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công, lựa chọn dự án, dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và từng năm nguồn ngân sách tỉnh, bảo đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

4. Công an tỉnh

- Rà soát tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm an ninh, trật tự trong các tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường; tập trung đấu tranh với một số phương thức, thủ đoạn mới, có yếu tố phi truyền thống phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, nhất là hoạt động quản lý chất thải, khai thác, sử dụng khoáng sản, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Rà soát tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm an ninh, trật tự trong các tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn.

6. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thích ứng với biến đổi khí hậu để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chỉ đạo các tổ chức thành viên, đẩy mạnh triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và thiên tai đến các cơ quan thành viên; đoàn viên, hội viên, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư. Đồng thời triển khai giám sát và phản biện xã hội về việc triển khai Kế hoạch này.

8. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh

Tăng cường chủ động theo dõi, nắm bắt kịp thời đưa các tin, bài phóng sự, các mô hình hay về thích ứng với biến đổi khí hậu, các hiện tượng thiên tai trên địa bàn tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh Bắc Ninh triển khai thực hiện Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật). Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu

có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương kịp thời gửi văn bản đề xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Các BQL Dự án thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, THĐT, KTTH;
- Lưu: VT, KTN_{Tân}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Quang Khải

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH**
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Mục tiêu 1. Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững.

(*) Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường được giao nhiệm vụ chủ trì có trách nhiệm chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quản lý và phối hợp với các đơn vị có liên quan.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì*	Kết quả theo giai đoạn
1. Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất				
1	Điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước dưới đất; bảo vệ chất lượng nguồn nước	Điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất phục vụ xây dựng mạng lưới các điểm nguồn cấp nước nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu cho các khu vực dễ bị tổn thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2025 - 2030: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá.
		Xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất cho các khu vực, đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, điều hòa phân phối nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế khai thác, sử dụng nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước theo từng cấp độ khan hiếm nước.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2025: Hoàn thành
2	Khai thác hợp lý, hiệu quả và tăng cường các giải pháp bảo vệ, giảm thiểu thoái hóa đất	Khai thác hợp lý diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024- 2026: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Nghiên cứu các biện pháp cải tạo, bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất do xói mòn, hạn hán	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2026: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.

2. Phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu				
1	Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang trồng cây có giá trị, hiệu quả kinh tế cao hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, phát thải khí nhà kính thấp, thân thiện với môi trường và hiệu quả dựa vào lợi thế tự nhiên của từng vùng và nhu cầu của thị trường.	Đánh giá hiệu quả đất trồng lúa và chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các cây ăn quả, rau màu, mô hình canh tác hỗn hợp (lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, lúa - rau màu, cây ăn quả, cây thức ăn chăn nuôi) có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với từng vùng sinh thái	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2025: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Khai thác và phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa theo hướng sản xuất hàng hóa có hiệu quả gắn với du lịch sinh thái; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các giống vật nuôi bản địa chất lượng cao, có lợi thế.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024 - 2026: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh, thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu theo vùng miền (nông lâm kết hợp, nông nghiệp thủy sản, ưu tiên cho sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, sản xuất theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024 - 2026: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Ứng dụng khoa học và công nghệ, công nghệ cao, cơ giới hoá, tự động hoá và các quy trình canh tác tiên tiến, thâm canh bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng sinh thái.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Tăng cường các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cải tiến các dịch vụ thú y để phát triển chăn nuôi bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác lợi thế các vùng sinh thái.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2025: Kiểm soát được các dịch bệnh và ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. 2026 - 2030: Các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, dịch vụ thú y được áp dụng trong toàn bộ quá trình chăn nuôi

2	Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, phát triển chuỗi giá trị nông sản chủ lực, quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học.	Phát triển các mô hình thích ứng, liên kết trong chăn nuôi từ khâu cải tiến giống vật nuôi, công nghệ chăn nuôi, thị trường tiêu thụ (trong nước, hướng đến xuất khẩu) và xử lý chất thải phù hợp với điều kiện sinh thái	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
3	Bố trí cơ cấu mùa vụ, đẩy mạnh thâm canh, xen canh	Xác định cơ cấu mùa vụ thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2025: Cơ cấu mùa vụ cho vùng được xác định. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện, tổng kết, đánh giá
		Nhân rộng các phương pháp xen canh, thâm canh các giống cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu cho các địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2025: Tiếp tục triển khai thí điểm cho các địa phương, vùng 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
4	Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, khai thác thủy sản bền vững, phù hợp với điều kiện hạn; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu ở từng vùng, địa phương.	Xây dựng các mô hình sản xuất tiên tiến (áp dụng đồng bộ hệ thống tưới, quản lý dinh dưỡng tổng hợp, sử dụng cây giống sạch bệnh, giống có lợi thế xuất khẩu, quản lý thâm canh và sử dụng biện pháp phòng trừ dịch bệnh thân thiện với môi trường).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2025: Các mô hình được xây dựng và thí điểm. 2026 - 2030: Áp dụng trên diện rộng và tổng kết, đánh giá.
		Nhân rộng các mô hình canh tác lúa cải tiến (SRI); canh tác ngô xen đậu (IMB), sắn với lạc, đậu (ICB); canh tác tổng hợp cà phê (ICoM); mô hình thâm canh cây ăn quả theo VietGAP (VGP) thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Nhân rộng mô hình chăn nuôi cải tiến chuồng trại và ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi	Sở Nông nghiệp và	2025: Tiếp tục triển khai

		khí hậu.	Môi trường	thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Triển khai ứng dụng các mô hình liên kết, tổng hợp theo chuỗi giá trị (chăn nuôi công nghệ cao, an toàn sinh học, chăn nuôi kết hợp sản xuất năng lượng (IFES), chăn nuôi dựa trên sinh thái (AEbA), chăn nuôi theo VietGAP, chăn nuôi thông minh với khí hậu (CSA)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Nhân rộng mô hình sử dụng thức ăn xanh cho chăn nuôi bò và gia súc nhai lại khác (GFC) thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2025: Mô hình áp dụng cho một số cơ sở chăn nuôi. 2026 - 2030: Tiếp tục nhân rộng và tổng kết, đánh giá.
		Chuyển dịch chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, được đầu tư đồng bộ về hệ thống chuồng nuôi và môi trường, áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến để nâng cao khả năng thích ứng và giá trị gia tăng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2025: Tiếp tục triển khai thực hiện cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
5	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các giống cây trồng vật nuôi mới thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu.	Nhân rộng mô hình sử dụng các giống gia cầm, thủy cầm địa phương có khả năng chống chịu cao (LCT) thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024 - 2025: Tiếp tục thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Chuyển dịch cơ cấu giữa khai thác với nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phát triển dịch vụ phục vụ cho nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
6	Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có	Nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản hỗn hợp đa loài, đa tầng (IAQ), an toàn sinh học (BSS)	Sở Nông nghiệp và	2024 - 2025: Mô hình được triển khai áp dụng.

	giá trị gia tăng cao	thích ứng với biến đổi khí hậu	Môi trường	2026 - 2030: Tiếp tục nhân rộng và tổng kết, đánh giá
3. Quản lý bảo vệ rừng và các hệ sinh thái				
1	Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng	Triển khai các dự án trồng rừng, chống khai thác bất hợp pháp, bảo tồn đa dạng sinh học rừng.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND xã, phường	2025 - 2026: Triển khai thực hiện. 2027 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Phục hồi, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, chống khai thác bất hợp pháp, bảo tồn đa dạng sinh học rừng.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Nhân rộng, tổng kết, đánh giá, phục hồi.
2	Phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng, hệ sinh thái; tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong bảo vệ, bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học.	Xây dựng và phát triển các mô hình bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Ủy ban nhân dân xã, phường	2025 - 2026: Triển khai thực hiện. 2027 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
4. Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu				
1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của các ngành gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Phát triển hạ tầng ngành thông tin, truyền thông thích ứng với biến đổi khí hậu.	- Sở Khoa học và Công nghệ - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình du lịch, thể thao nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, chú trọng các	- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô,

		khu, điểm du lịch và xây dựng các sản phẩm du lịch thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời đảm bảo kết nối thông suốt với hạ tầng giao thông trọng yếu để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.	- Các Ban QLDA tỉnh. - UBND xã, phường	hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Xây dựng đề án duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa, lịch sử trong điều kiện biến đổi khí hậu, chú trọng công tác duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa, đồng thời đảm bảo kết nối đồng bộ với hạ tầng giao thông trọng yếu nhằm tăng khả năng chống chịu và phục hồi sau các tác động của thiên tai	- Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch. - Các Ban QLDA tỉnh. - UBND xã, phường	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt đề án và triển khai. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô thực hiện, tổng kết, đánh giá.
		Hướng dẫn xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nâng cấp, cải tạo trạm truyền tải điện, trạm biến áp, hệ thống đường dây tải điện	Sở Công Thương	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, phát triển các khu đô thị, công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng đô thị, nông thôn, các điểm dân cư tập trung trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất, kịch bản biến đổi khí hậu.	- UBND xã, phường - Sở Xây dựng (p/h) - Các Ban QLDA tỉnh.	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thiện và tổng kết đánh giá.
		Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	- Sở Xây dựng; - Ban quản lý các khu công nghiệp; - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thiện và tổng kết đánh giá
		Triển khai các dự án nhằm ứng dụng các công nghệ, sử dụng các loại vật liệu mới, bền vững, có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu trong lĩnh	Sở Xây dựng	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai. 2026 - 2030: Mở rộng

		vực xây dựng và đô thị.		hoàn thành và tổng kết đánh giá.
3	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế, trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở ngành y tế bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe; bảo đảm khả năng tiếp cận, duy trì hoạt động khi xảy ra thiên tai và sơ tán trong các tình huống thiên tai khẩn cấp.	- Sở Y tế - Các Ban QLDA tỉnh. - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn và tăng cường khả năng ứng phó trước thiên tai	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Ban quản lý dự án dân dụng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh số 1; - Ban quản lý dự án dân dụng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh số 2; - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
4	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối các địa phương	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy ở những vùng thường bị đe dọa bởi lũ lụt, đồng thời phát triển các phương thức giao thông trọng yếu một cách đồng bộ, áp dụng công nghệ tiên tiến để đảm bảo khả năng vận hành ổn định, chống chịu tốt trước các tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu	- UBND xã, phường - Sở Xây dựng (p/h) - Ban quản lý dự án giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1; - Ban quản lý dự án giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2;	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai ở các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Phối hợp với Bộ Xây dựng đầu tư, phát triển và hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng	- Sở Xây dựng - Ban quản lý dự án giao thông, nông	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai ở các khu vực trọng điểm.

			nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1; - Ban quản lý dự án giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2; - UBND xã, phường	2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
5	Ưu tiên xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ, nước dâng do bão cho các đô thị lớn.	Thực hiện các giải pháp chống ngập cho khu vực phường Bắc Giang và trung tâm đô thị	- UBND xã, phường - Sở Xây dựng (p/h)	2024 - 2025: Triển khai cho các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành cho các đô thị, tổng kết đánh giá.
6	Tập trung hoàn thành các công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất; xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi; xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước	Xây mới một số công trình trữ nước ngọt phục vụ cấp nước sinh hoạt và sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu, ưu tiên vùng có nguy cơ hạn hán, khan hiếm nước, đông dân cư	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - Sở Xây dựng. - Ban quản lý dự án giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1; - Ban quản lý dự án giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2; - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi; cải tạo, nâng cấp, xây mới một số hồ chứa lớn, đa mục tiêu phục vụ cấp nước và sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu.	- Sở Nông nghiệp và môi trường - Ban quản lý dự án giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1;	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá

			- Ban quản lý dự án giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2; - UBND xã, phường	
5. Tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe				
1	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, ưu tiên cho các cộng đồng người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do tác động của biến đổi khí hậu.	- Sở Y tế. - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Đầu tư công nghệ, trang thiết bị nhằm dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu.	Đầu tư công nghệ, trang thiết bị cho các cơ sở y tế, khám chữa bệnh đủ năng lực để điều trị các bệnh nhạy cảm với biến đổi khí hậu như: sốt rét, tiêu chảy, hô hấp, tim mạch.	- Sở Y tế. - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
3	Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, giám sát các dịch bệnh liên quan đến sự thay đổi của thời tiết và khí hậu.	- Sở Y tế. - UBND xã, phường	2024 - 2025: Xây dựng, áp dụng thí điểm các mô hình. 2026 - 2030: Nhân rộng và tổng kết đánh giá.
		Xây dựng và nhân rộng các mô hình vệ sinh môi trường và nước sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và cơ sở y tế, chú trọng khu	- Sở Y tế. - UBND xã, phường	2024 - 2025: Xây dựng, áp dụng thí điểm các mô hình.

		vực nông thôn, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán.		2026 - 2030: Nhân rộng và tổng kết đánh giá.
		Xây dựng, nhân rộng các mô hình về dinh dưỡng, thực phẩm, bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và các cơ sở y tế.	- Sở Y tế - UBND xã, phường	2024 - 2025: Xây dựng và áp dụng thí điểm. 2026 - 2030: Nhân rộng và tổng kết đánh giá.
4	Phát triển hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe	Đầu tư, phát triển hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe	- Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Sở Y tế	2024 - 2025: Rà soát hệ thống giám sát hiện có. 2026 - 2030: Phát triển hệ thống, mở rộng quy mô.
6. Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới				
1	Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu.	Xây dựng và nhân rộng các mô hình ổn định đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng địa phương trong quá trình tái định cư dưới tác động của biến đổi khí hậu nhằm bảo vệ các thiết chế văn hoá cơ sở.	- Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch - UBND xã, phường	2024 - 2025: Nghiên cứu, xây dựng tài liệu; đào tạo thí điểm. 2026 - 2030: Hoàn thiện nội dung, mở rộng quy mô đào tạo và tổng kết đánh giá.
		Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu trước tác động của biến đổi khí hậu bằng các tri thức địa phương.	- Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch - UBND xã, phường	2024 - 2025: Nghiên cứu, xây dựng tài liệu; đào tạo thí điểm. 2026 - 2030: Hoàn thiện nội dung, mở rộng quy mô đào tạo và tổng kết đánh giá

2	Tăng cường sự tham gia của phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân trong thực hiện các chính sách và hoạt động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	Phát triển, đào tạo kỹ năng mềm cho lao động nữ, thanh niên tham gia các ngành kinh tế mới theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu	- Sở Giáo dục và Đào tạo - UBND các xã, phường	2024 - 2025: Xây dựng tài liệu, triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục nhân rộng và tổng kết đánh giá.
---	--	--	---	---

Mục tiêu 2. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

**) Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường và các Ban QLDA đầu tư xây dựng trực thuộc tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì có trách nhiệm chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quản lý và phối hợp với các đơn vị có liên quan.*

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì*	Kết quả theo giai đoạn
1. Dự báo và cảnh báo sớm				
1	Đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng; thực hiện xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, giám sát thiên tai.	Phát triển các hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng phục vụ phòng chống bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bảo đảm an toàn vận hành hồ chứa.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai các dự án. 2026 - 2030: Hoàn thiện hệ thống theo quy hoạch và tổng kết đánh giá.
2	Giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai; cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai; tăng cường năng lực, biện pháp quản lý và thúc đẩy phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai; xác định các biện pháp ứng phó thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và khắc phục hậu quả thiên tai ở các cấp.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND xã, phường	2024 - 2025: Hoàn thành kế hoạch, triển khai ở các cấp. 2026 - 2030: Tiếp tục thực hiện và tổng kết đánh giá.

2. Xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai				
1	Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập, kè suối	Đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai cho các hồ chứa để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.	- Sở Nông nghiệp và môi trường - Ban quản lý dự án giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1; - Ban quản lý dự án giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2; - UBND xã, phường	2024 - 2025: Triển khai thí điểm các hồ chứa có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Áp dụng cho tất cả các hồ chứa, tổng kết đánh giá.
		Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các hồ chứa, hệ thống đê sông, công trình phòng chống thiên tai có nguy cơ tổn thương cao do tác động của biến đổi khí hậu.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND xã, phường	2024 - 2025: Triển khai cho các công trình trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các công trình trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán.	Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất ở những nơi có nguy cơ cao.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND xã, phường	2024 - 2025: Triển khai xây dựng thí điểm ở những nơi có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thiện hệ

				thống, tổng kết đánh giá.
		Tăng cường năng lực phòng chống bão, lũ lớn và lũ cực đoan các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND xã, phường	2024 - 2025: Triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Rà soát, xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, ưu tiên các công trình các vùng dễ bị tổn thương nhằm ứng phó với bão, lũ, hạn hán	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
3. Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân, triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu				
1	Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, khí hậu cực đoan; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro.	Đầu tư bố trí, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ, sạt lở đất. Tăng cường các biện pháp theo dõi, giám sát, cảnh báo thiên tai tại những nơi không thể di dời nhằm chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, nước dâng do bão, xói lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất.	- Sở Nông nghiệp và môi trường - UBND xã, phường - Sở Nông nghiệp và môi trường - UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá. 2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn	Thí điểm, đầu tư các giải	UBND xã, phường	2024 - 2025: Tiếp tục triển

	cho người dân; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp làm nơi sơ tán trong tình huống thiên tai khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn cho người dân, phục hồi sau thiên tai	pháp kỹ thuật phòng chống lũ quét và sạt lở đất cho các cụm dân cư khu vực miền núi	Sở Xây dựng (p/h)	khai cho các vùng có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
3	Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua đánh giá và quản lý rủi ro khí hậu	Định kỳ cập nhật đánh giá khí hậu, tác động của biến đổi khí hậu và kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024 - 2030: Báo cáo đánh giá được cập nhật định kỳ
		Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024 - 2030: Triển khai thực hiện.

Mục tiêu 3. Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu

() Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường và các Ban QLDA trực thuộc tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì có trách nhiệm chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quản lý và phối hợp với các đơn vị có liên quan.*

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan*	Kết quả theo giai đoạn thực
1	Xây dựng hoàn thiện thể chế chính sách			
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các cấp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 bảo đảm yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu và yêu cầu lồng ghép các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.	Rà soát, xây dựng, cập nhật các chiến lược phát triển ngành, quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trên cơ sở quy định của Luật Quy hoạch và kịch bản biến đổi khí hậu, có chú trọng đến vùng dễ bị tổn thương do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.	- Các Sở, ban, ngành - UBND xã, phường	2024 - 2030: Triển khai thực hiện.

2	Hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật về các giải pháp kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ứng phó với ứng ngập đô thị (san nền, thoát nước, hồ điều hòa, đê bao...)	Sở Xây dựng Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024 - 2030: Xây dựng, triển khai thực hiện.
3	Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành trong thích ứng với biến đổi khí hậu; các cơ chế, chính sách phù hợp với mục tiêu lồng ghép và thúc đẩy các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu mang lại đồng lợi ích với phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính	Hoàn thiện chính sách việc làm nhằm khuyến khích tạo việc làm xanh và bền vững; Xây dựng chính sách thúc đẩy lồng ghép, tạo việc làm xanh và hỗ trợ chuyển đổi việc làm, phát triển sinh kế bền vững cho người dân, đặc biệt là người lao động có đất phải chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc bị tác động của biến đổi khí hậu, các sự cố, thảm họa môi trường.	- Sở Nội vụ; - UBND xã, phường	2024 - 2030: Xây dựng, triển khai thực hiện.
4	Hoàn thiện quy định về giám sát và đánh giá kết quả, hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu, thiết lập, vận hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia, cấp ngành và cấp tỉnh	Rà soát, cập nhật hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia.	Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND xã, phường	2025 - 2030: Triển khai việc rà soát, cập nhật
2	Truyền thông nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng			
1	Đa dạng hóa phương thức thông tin; nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Xây dựng, thực hiện Đề án tăng cường tuyên truyền, nâng cao năng lực truyền thông và đa dạng hóa các phương thức truyền thông về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Văn hóa-thể thao và du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường; - UBND xã, phường	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện và tổng kết đánh giá
2	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội	Xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông về tổn thất và thiệt hại, thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng lợi	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt. 2026 - 2030: Triển khai

	và cộng đồng; đẩy mạnh các phong trào của thanh thiếu niên, phụ nữ về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	ích trong thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, phát triển các mô thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng.	MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Ninh; - UBND xã, phường	thực hiện và tổng kết đánh giá
		Xây dựng, triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường UBND xã, phường	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện và tổng kết đánh giá
		Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng và vai trò của phụ nữ, thanh thiếu niên trong xây dựng và thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai	Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Ninh; UBND xã, phường	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện và tổng kết đánh giá
3	Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái, dựa vào cộng đồng	Xây dựng và triển khai các chương trình tập huấn, truyền thông về phát triển các mô hình phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy tri thức địa phương trong thích ứng biến đổi khí hậu cho chính quyền địa phương, các cơ sở giáo dục, các tổ chức xã hội và cộng đồng.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và đào tạo. - UBND xã, phường	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện và tổng kết đánh giá
		Áp dụng và phổ biến, nhân rộng tri thức địa phương trong thích ứng với biến đổi khí hậu	- Sở Văn hóa thể thao và du lịch, các sở ban, ngành. - UBND xã, phường	2024 - 2030: Xây dựng, triển khai thực hiện.
3	Phát triển nguồn nhân lực,			
1	Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	Xây dựng, thực hiện các chương trình tăng cường năng lực cho cán Sở tại các Sở, ngành và địa phương bảo đảm cập nhật và phù hợp với các quy định trong nước và	- Các Sở, ban, ngành - UBND xã, phường	2024 - 2030: Xây dựng, triển khai thực hiện.

		các điều ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia là thành viên.		
2	Triển khai chương trình giáo dục phổ thông tích hợp nội dung giáo dục về biến đổi khí hậu ở các cấp học; nâng cao chất lượng các chương trình giảng dạy về ứng phó với biến đổi khí hậu.	Cập nhật, lồng ghép, tích hợp các nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai trong triển khai chương trình giáo dục phổ thông ở tất cả các cấp học, bậc học.	- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, - UBND xã, phường	2024 - 2025: Triển khai thí điểm 2026 - 2030: Triển khai mở rộng và tổng kết đánh giá
		Nâng cao chất lượng, phát triển năng lực của đội ngũ giáo viên, cán Sở ngành giáo dục về ứng phó với biến đổi khí hậu và	- Sở Giáo dục và Đào tạo. - UBND xã, phường.	2024 - 2025: Triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, tổng kết đánh giá
4. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ				
	Nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số trong thích ứng với biến đổi khí hậu; các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội; giải quyết vấn đề tồn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu	Triển khai nghiên cứu, phát triển, ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở ngành liên quan - UBND xã, phường.	2024 - 2025: Triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, tổng kết đánh giá
		Nghiên cứu và triển khai thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở ngành liên quan. - UBND xã, phường.	2024 - 2025: Triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, tổng kết đánh giá
5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu				
	Thúc đẩy hợp tác, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí	Tổ chức và tham gia các chương trình và diễn đàn quốc tế và tăng cường hợp tác và trao đổi trong nghiên cứu, đào tạo và	- Các Sở, ban, ngành - UBND xã, phường.	2024 - 2030: Tổ chức, tham gia các chương trình, diễn đàn theo kế

	hậu	chuyển giao công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, ngăn ngừa, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.		hoạch.
--	-----	--	--	--------